

TẾT Ở TÂY NGUYÊN

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

Tết là một hiện tượng xã hội, phản ánh một tình cảm, một tâm lý dân tộc sâu sắc, đồng thời là một hiện tượng văn hóa thể hiện bản sắc tộc người rõ rệt. Không một cộng đồng người nào trên thế giới tổ chức Tết giống cộng đồng khác. Qua quá trình lịch sử, mặc dầu có sự giao lưu, sự hòa hợp, sự kết hợp giữa các cộng đồng. Tết vẫn mang sắc thái địa phương tộc người trong từng bước, vẫn giữ tròn tính dân tộc trong từng khu vực văn hóa – lịch sử. Tết là thời điểm tập trung cái gì linh thiêng nhất, thân thương nhất của từng cộng đồng, là dịp toàn cộng đồng suy tư về cội nguồn của mình để khẳng định *cái ta*, cái bản thân, để hiểu rõ trách nhiệm của bà con, họ hàng, bè bạn, là dịp vui chơi, giải trí, chuẩn bị cho một năm tới được tốt đẹp hơn.

Thời điểm chọn để tổ chức Tết của các dân tộc có sự trùng lặp nhau. Không một cộng đồng nào lại ấn định Tết vào khoảng thời gian bận việc sản xuất. Là sản phẩm của một xã hội nông nghiệp, Tết rơi vào dịp nông nhàn, dịp đông qua, xuân đến, sau khi thu hoạch mùa màng hoặc xua bầy đàn gia súc về chuồng tránh đông, trước khi bước vào năm lao động mới. Tết cũng rơi vào buổi “buổi giao thừa” giữa hai mùa sản xuất, mùa năm trước và mùa năm sau.

Nhưng thời điểm cụ thể để ấn định ngày Tết thì lại khác nhau giữa những cư dân ngay trong cùng một nước. Đạo Kitô mới đưa được một số dân tộc Tây phương thống nhất ngày Tết vào ngày đầu dương lịch⁽¹⁾. Còn ở các nước phương Đông, Tết vẫn được tổ chức theo âm lịch hay theo tục lệ của từng dân tộc.

Ở nước ta, mỗi người cũng vẫn giữ một thời điểm khác nhau để tổ chức Tết. Với nhiều tộc người, cách mạng tự nhiên đem lại cho họ hai cai Tết, ngoài cái Tết của bản thân: Tết dương lịch và Tết âm lịch. Giới thanh niên sẵn sàng tiếp nhận vì thêm được dịp vui chơi, nghỉ ngơi; các cụ già lại lo không biết Tết ngày xưa của cha ông sau này còn được lũ con cháu để ý đến không?

Cùng lớn lên trong một khu vực gió mùa nhiệt đới, đều thừa hưởng một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa bản địa, cũng như các dân tộc toàn vùng Đông Nam Á- một vùng không thấy bóng dáng của các cư dân chăn nuôi du mục đại gia súc, các bộ tộc người ở nước ta, ở dưới xuôi hay trên ngược, thời trước, đều chia mỗi năm ra làm hai mùa: mùa lao động đồng áng vất vả, cực nhọc; và mùa còn lại – từ tháng tư

1. Thật ra, Tết kéo dài suốt ngày Nôen đến ngày đầu năm. Ở nông thôn các nước châu Âu, người dân vẫn giục nhiều lễ hội cổ truyền suốt ngày đông lạnh đến ngày xuân ấm áp

Tháng năm cho đến tháng một, tháng chạp dương lịch – từng người, từng gia đình tản trên các đồng ruộng nương rẫy lo lắng lao động sản xuất. Mọi hoạt động xã hội khác, nếu không gián tiếp hay trực tiếp phục vụ việc sản xuất, dường như ngừng lại. Chỉ còn, nếu có, những nghi lễ có tính cộng đồng hay của từng gia đình liên quan đến việc mùa màng: cầu mưa, chống sâu bệnh... Làng, bản chỉ tạm nghỉ việc, nếu như không may trong cộng đồng xảy ra những điều gì khác thường: có người sinh nở, ốm đau, chết chóc. Đến như việc chiến tranh, vì lý do nhân đạo, nuôi sống cộng đồng. Sự phân cắt rạch ròi một mùa sản xuất sau dần bị vi phạm, vì tính phức tạp của xã hội phân chia thành nhiều ngành nghề, nhiều tầng lớp, nhiều giai cấp, thành đô thị, nông thôn. Những dấu tích của nó còn để lại và còn được giữ trọn vẹn trong những xã hội khép kín cho đến trước thi thực dân Pháp sang đô hộ, như ở Tây Nguyên và một số nơi khác.

Khoảng thời gian còn lại trong một năm là mùa lo lắng việc làng, việc nước, việc nhà cửa, gia đình, những ngày tạm quên công việc cày bừa, gặt hái, nhưng không kém phần bận rộn, lại không đơn điệu như những ngày lao động sản xuất. Khoảng thời gian này mang đầy tính cộng đồng, tính tập thể sâu sắc, đậm đà. Người ta lo việc sửa sang làng xóm, kết nghĩa bạn bè, vun đắp cho ý thức dân tộc, ý thức làng xóm thêm mặn mà. *Khoảng thời gian kéo dài đó, theo ý nghĩa nguyên sơ của nó, được gọi là Tết.* Quan niệm đầy đủ này được người Tây Nguyên giữ lại, Tết không phải là một vài vài ngày, mà là cả một vụ. tư tưởng không phải là một ngày đầu năm mới, mà là khoảng chuyển tiếp hai mùa sản xuất nối nhau. Người Ba Na, Xơ Đăng gọi những tháng Tết đó là tháng quên (quên lao động sản xuất thôi đó) và không tính vào lịch, vì theo đồng bào, chỉ là lịch sản xuất.

Những tháng quên đó dài hay ngắn tùy theo mùa màng kéo dài, thường từ hai đến ba tháng, hoặc hơn một chút.

Ở Tây Nguyên, tộc nào cũng vậy, bắt đầu vào mùa thu hoạch, từng nhà đi tới những mảnh nương, miếng ruộng đã được quy định, ở đó trồng một thứ lúa cổ, lúa thiêng, ngắt những bông mảy, thơm, tinh khiết để chuẩn bị *làm lễ cơm mới*, trước là dâng lên thần linh, tổ tiên, ơn người đã khuất, ơn công phù hộ; sau là để cúng gia đình, làng xóm tận hưởng kết quả đầu mùa, bỏ công những ngày “hai sương, một nắng”. Nhà nọ kế tiếp nhà kia tổ chức *lễ cơm mới*. Cả làng vừa giúp nhau gặt hái, tổ chức trang nghiêm, vừa vui vẻ thỏa thuê. Rượu tha hồ đổ, xôi tha hồ ăn, gia súc ngả thịt tùy theo khả năng của chủ nhà, không hề tính toán. Nhà chủ thiếu, thì làng giềng, họ hàng mang giúp. Người ta thi nhau làm to. Trai gái nhảy múa, ném xôi sáng trắng xóa cả sàn (kadong). Người già uống rượu, kể chuyện tổ tiên, những bài “khan” nửa huyền thoại, nửa có thật, có sức truyền cảm vô cùng mãnh liệt sâu sắc cho lũ con cháu, mong muốn chúng kế thừa truyền thống của cha ông.

Ngày gặt hái qua, sau khi đưa bà “Hồn Lúa” (Dàng Xri) vào nghỉ trong kho thóc, vừa để coi chp lúa khỏi bay đi⁽¹⁾, vừa để bà nghỉ ngơi sau một mùa vất vả

1. Người Tây Nguyên tin rằng chỉ hồn lúa mới giữ được cho thóc khỏi mau vôi. Do chi tiêu không tính toán, thường họ ngỡ ngàng thấy lúa vôi nhanh. Khi đó, họ cho là hồn lúa không thương họ. Nếu cũng vì ăn uống đồ tốn ke,s, kho lúa chậm vôi. Khi đó, họ lại lại tưởng hồn lúa phù hộ.

Cùng con người trên nương, dưới ruộng, các làng Tây Nguyên có tục rủ nhau vào rừng sống lại cảnh hoang sơ của tổ tiên trong rừng ở thời kỳ hoàng kim nguyên thủy, khi con người chỉ cần hái lượm, săn bắt cũng đủ sống. Từng tốp dựng lều; đêm ngủ chụm đầu quanh đống lửa, sống cảnh nay đây mai đó, có tộc mười ngày, có tộc nửa tháng. Trong thời gian đó, tuyệt nhiên không dùng đến các sản phẩm do trồng trọt mang lại. Đến ngày nay, tuy tục lệ này đã không còn phổ biến, nhưng nhiều người, kể cả cán bộ đã tập kết ra Bắc hay đi du học nước ngoài, vẫn thèm muốn sống lại những ngày trong rừng rùng rợn như tục lệ.

Tiếp sau, từng gia đình chuẩn bị làm lễ đâm trâu, cầu xin một năm phúc lành. Nhà nào mà có người chết, chuẩn bị tổ chức lễ “bo bả”, tức là gia nộp cơ ngơi nhà cửa, trâu bò đầy đủ cho người đã khuất có điều kiện tốt nhất để sống ở bên kia thế giới. Cả làng tổ chức sửa sang lại máng nước, dọn dẹp đường sá, sửa chữa hay dựng mới nhà rông, chuẩn bị mở hội, vui chơi rông rã ba bốn ngày liền. Họ đâm trâu, cầu xin thần linh phù hộ (tất nhiên xưa là phải vậy), tưởng niệm những người có công tìm ra mảnh đất dựng nên quê hương, những người đã ngã xuống khi bảo vệ buôn làng. Mỗi làng, mỗi tổ chức hội theo sắc thái của mình. Người Mnông, Ê đê vùng Bản Đon tổ chức đua voi. Người Gia Rai xưa thì đua ngựa. Người Xơ Đăng, Ba Na biểu diễn những điệu múa bi hùng tráng của những thời kỳ chiến trận khi xưa. Làng nọ mở hội, làng anh em kết nghĩa đến dự. Hội vui kéo dài có khi hàng người bữa, nửa tháng. Tính dân tộc, tính địa phương thêm đậm đà.

Đừng nghĩ ngày hội chỉ là ăn chơi, chè chén, nhảy múa, ca hát. Ngày hội làng là ngày dân họp mặt để khẳng định lại trách nhiệm của cộng đồng, của bản thân mỗi người. Người Ba Na vùng An Khê ở đầu hội lễ bằng điệu công nói lên lời nhắn nhủ của những người đã khuất đến con cháu, gọi lên sự đau thương mất mát của mọi gia đình qua trận mạc bằng những điệu lâm li thống thiết. Sau đó, điệu công chuyển thành điệu vui rộn rã, tổ tiên mừng con cháu đã hiểu bổn phận; con cháu vui gặp lại “cha ông”, hứa sẽ tiếp tục hái được những thắng trên chiến trường cũng như trong mùa sản xuất sắp tới.

Chính cũng ở những ngày hội làng này, dân làng bàn việc xuất quân chuẩn bị chiến tranh với các làng. Chiến tranh giữa các làng cũng có nhiều mục đích. Có khi làng Xơ Đăng tổ chức đánh làng khác để mong được giao hiếu. Một làng thứ ba đứng ra thu xếp việc hòa giải giữa hai làng ban đầu của hai làng hôm qua còn là thù địch. Gần đây, khi bọn phong kiến Thái Lan mở ra những thị trường bán buôn người tới giáp Tây Nguyên (thế kỷ XVIII – XIX), tiếp đến thực dân Pháp lợi dụng chia rẽ giữa các tộc người, khuyến khích những cuộc chiến tranh giữa các làng trở nên khốc liệt. Và chính trong những dịp Tết, đã chứng kiến những cảnh trái ngược: có làng mở hội chiến hoạn lạc trên máu và nước mắt của người làng khác, một hoạn lạc không trọn vẹn, vì làng thắng trận nào chẳng chịu sự mất mát ít nhiều.

Đan xen vào thời gian đó, ngoài việc của làng xóm, các gia đình lo việc riêng tư. Họ lo cưới xin cho con cháu, sửa sang lại nhà cửa, làm lễ chúc thọ cho người già, cầu yên cho gia đình, tổ chức các đoàn đi chợ xa mua sắm các thứ cần thiết, đón các đoàn thương lái với những chiếc xe bò ắp hàng đến trao đổi lấy những sản phẩm thừa

đur của dân làng sau một năm lao động. Họ đi thăm hỏi những người anh em kết nghĩa khác tộc, khác làng, hoặc ngược lại, bận bịu đón bạn bè đến thăm. Khi nào có việc, cả làng kéo đến giúp, gom góp lo chung. Tối đến, gia chủ mời cơm, kẻ góp thức ăn, người mang ché rượu. Vui nhất là khi có bạn khác tộc, khác làng đến thăm. Bạn của một nhà là bạn chung của cả buôn, cả họ. Không ai được để người bạn mất lòng. Tiếng đàn, tiếng trống, tiếng chuông thật rôm rả. Các cụ già khề khà bên chén rượu : trai trẻ từng đôi to nhỏ thì thăm. Trong xã hội lấy lòng chân thật, lấy nghĩa bạn bè làm cơ sở, tưởng không gì thú hơn những ngày có khách viếng thăm.

Ngày tháng qua... Tiếng sấm đầu xuân báo hiệu những trận mưa năm mới sắp tới. Một năm lao động sản xuất sắp lại bắt đầu. Các già làng vội làm lễ rửa các vật hương bảo, gia bảo, các đồ thờ cúng gác ở nóc nhà rông và góc từng gia đình, dòng họ. Bà mẹ lúa, tức bà chủ nhà, dù trong gia đình mẫu hệ hay phụ hệ, vội bảo con cháu xuống võ vào bịch kho thóc đánh thức bà chúa lúa (hay hồn lúa) trở dậy. Các cô gái vội chạy ra máng nước đầu làng lấy nước mới. Các chị em có vũng có tực té nước đầu xuân lấy khước. Bếp các nóc nhà đở lửa. Hôm đó, cả làng sum họp ở nhà người đầu làng hay ở nhà rông làm lễ chuẩn bị cho một mùa lao động mới. Làng làm lễ đánh thức các thần linh, vong hồn tổ tiên, hồn lúa, hồn nông cụ. Dàng Glai (thần Sét) dùng mê mải thú vui với người vợ trẻ dưới Thủy cung, hãy thức dậy lo việc “nước” cho mùa màng. Nếu Dàng quên, xin Dạ Iòm, với chiếc lột cóc xấu xí nhưng lòng nhân ái, thần của các loài cú, vụng về nhưng tốt bụng, hãy nhắc thần Sét lo nhiệm vụ tròn (Xơ Đăng).

Mỗi người mỗi việc, cứ làm như tục lệ thuở xưa đã định. Trai làng tính ngày làm đất, tìm nương. Gái làng lo việc giồng má. Mọi người nhộn nhịp sửa sang, lau chùi, mua sắm dụng cụ sản xuất, gọi trâu thả ở rừng về, cho trâu ghé lúa thơm, cọng rơm vàng (Xrê – Mạ). Lò rèn của làng đở lửa đánh thêm dụng cụ. Gia đình nào còn việc dở dang thì hối hả làm nốt. Ai chưa kịp sửa nhà, hãy sửa cho xong. Ai kịp mua bán, hãy gấp đi xa, chưa kịp thăm hỏi bạn bè, hãy xin bố mẹ quyết định cho ngày cưới, kéo lại đợi đến mùa năm sau.

Mưa đầu mùa đã đến. Khi con chim quen thuộc đã kêu, nai trên rừng đã giác cả làng mở hội vui đầu mùa sản xuất. Chiếc tàu trên môi, người đầu làng cùng các già làng hạ ngã cây đầu tiên, người Tây Nguyên hiểu rằng đó là lúc kết thúc thời gian Tết. Một mùa sản xuất mới bắt đầu.

Quan niệm nguyên sơ về Tết còn tồn tại ở Tây Nguyên, xưa và ở các tộc Việt Nam, kể cả ở người Kinh. Về sau, trong khoảng thời gian nghỉ sản xuất đồng áng, *mỗi dân tộc chọn lại một thời điểm nhất định được coi là Tết*. Có tộc người lấy dịp sau mùa gặt hái thì mở hội Tết, vui liên hoan vụ mùa thắng lợi. Tết đến sớm hơn Tết âm lịch chừng một hai tháng. Có tộc người coi ngày sấm ran đầu xuân hay ngày hội xuống đồng, ngày mở đầu một năm nói lao động sản xuất để mở hội. Tết đến muộn hơn Tết âm lịch cũng chừng một hai tháng. Ở một số cư dân theo đạo Phật hay Bà La Môn cũng phải dựa vào cái cổ truyền này mà định ngày Tết. Người Kinh (Việt) và một số dân cư tộc ở Việt Bắc lấy *Tết Nguyên đán* là ngày Tết; nhưng trong phong tục vẫn còn giữ nhiều lệ xưa

Thời gian trôi qua, hai mùa lao động không còn rõ nét. Nhưng mùa rét hanh. Tết xuân mới vẫn là mùa cưới xin, mùa tập trung các hội hè, mùa mọi người hay đi thăm hỏi bè bạn xa gần. Và ngày Tết vẫn là ngày con cháu phương xa tưởng về quê cũ: bạn bè, hàng xóm tìm lại gặp nhau: con cháu mọi nơi quay về bếp cũ sum vầy. Suốt năm, mỗi người một việc. Tết đến, ai không khỏi tìm về cái chung của dân tộc, ngưỡng về nơi cha đất Tổ!

Có điều, trong thời đại công nghiệp hiện nay, thời gian là quý giá. Tết cần tổ chức giản dị, gọn gàng, không thể có nhiều thời giờ, ngày qua, tháng tới, miệt mài trong cuộc truy hoàn, bỏ quên sản xuất, lịch sử. Cũng không thể vin và Tết mà phục hồi lại những phong tục lỗi thời, hoặc mượn cớ tiếp tay cho những thói mê tín dị đoan hại tiền, hại của, hoặc lỏng tay để con cháu say mê trong cuộc đổ đen cờ bạc. Ngược lại, cần tổ chức cái Tết sao cho giữ được sắc thái dân tộc, bản sắc địa phương. Ngày Tết vẫn sâu nặng trong đời sống của dân tộc. Với dân tộc Việt Nam, Tết vẫn đượm trong lòng mỗi người hương vị quê xưa, trong cánh hoa đào quen thuộc, mùi vị bánh chưng xanh khó quên với tiếng trống hội làng năm cũ, tiếng hò reo của đôi bên nam nữ trong buổi kéo co, tung còn hay đánh vật, với cảnh nhộn nhịp bếp núc và phút trầm ngâm, của người già trong khói hương trầm.

Tết vẫn là một dịp cho mọi người hiểu lại trách nhiệm của mình với dân tộc với quê hương.